

Bản án số: 133/2020/HS-ST
Ngày: 26-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Việt Hưng

2. Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2020/HSST, ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1995 tại Cần Thơ. Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu vực 1, phường Hưng P, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: ấp Trà Q, thị trấn Châu T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1953 (chết) và bà Phan Thị L, sinh năm 1954 (sống); Anh, chị, em ruột: có 04 người; Chồng: Nguyễn Việt L1, sinh năm 1988; Con: Nguyễn Phúc L2, sinh năm 2018;

Nhân thân: Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại: Chị Lê Thị Thùy D. Địa chỉ: ấp Đông H, xã Thới T, huyện T, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính TNHH MTV H. Địa chỉ: đường Nguyễn Đăng G, phường Thảo Đ, quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty H: ông Lê Phước T3. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020. (Vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2018, trên đường đi chợ, Nguyễn Thị T nhặt được giấy chứng minh nhân dân số 362382516 do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/8/2009 và Giấy phép lái xe số AV488187 do Sở giao thông vận tải thành phố Cần Thơ cấp ngày 25/7/2012 cùng mang tên Lê Thị Thùy D tại cột đèn giao thông trước Nhà văn hóa Thiếu Nhi, T mang về nhà cất giữ. Khoảng hơn tuần sau T nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe nhặt được đi mua điện thoại trả góp, sau đó bán lấy tiền tiêu xài. Do trước đây T đã từng mua điện thoại trả góp, đã bị nợ xấu nên không tiếp tục mua điện thoại trả góp bằng giấy tờ tùy thân của mình. T sử dụng dao lam cắt hình ảnh trên giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Lê Thị Thùy D để thay hình ảnh của mình vào rồi mang các loại giấy tờ này đi ép nhựa.

Đến ngày 17/8/2018, Nguyễn Thị T đến cửa hàng Phương T, địa chỉ số Q Nguyễn T, phường An H, quận N để mua điện thoại trả góp. T đóng giả và sử dụng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe giả T đã tự làm, khai tên Lê Thị Thùy D để mua điện thoại trả góp, thực hiện hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng số 3803478642 với Công ty tài chính TNHH MTV H (sau đây gọi tắt là Công ty H), T ký giả chữ ký, chữ viết của Lê Thị Thùy D trên toàn bộ hợp đồng. Sau khi hợp đồng được duyệt, nhận được sản phẩm từ cửa hàng, T đã mang điện thoại đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ngày 17/02/2019, sau khi hết thời gian thanh toán hợp đồng nhưng T không trả tiền lần nào cho Công ty H. Nhân viên an ninh của Công ty H đã tìm đến Lê Thị Thùy D để yêu cầu thanh toán khoản vay thì được Lê Thị Thùy D xác định không phải là người thực hiện hợp đồng vay tiền của Công ty H. Qua rà soát hình ảnh trên hệ thống khách hàng từng vay tiền của Công ty H phát hiện ra người thực hiện hợp đồng số 3803478642 mang tên Lê Thị Thùy D chính là đối tượng Nguyễn Thị T, đại diện công ty H đã làm đơn tố giác Nguyễn Thị T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 7.933.574 đồng.

Qua làm việc với chị Lê Thị Thùy D trình bày, khoảng tháng 7/2018, chị D bị mất giấy chứng minh nhân dân số 362382516 do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 08/8/2009 và giấy phép lái xe số AV488187 do Sở Giao thông vận tải thành phố Cần Thơ cấp ngày 25/7/2012. Sau đó đã làm lại giấy chứng minh nhân dân số 092194002312 và giấy phép lái xe mới số 9211220035 và hiện

đang sử dụng. Chị Lê Thị Thùy D xác định chưa từng thực hiện hợp đồng vay vốn tiêu dùng trả góp với Công ty H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận trên đường đi chợ T có nhặt được 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe của Lê Thị Thùy D, sau đó T sử dụng lưỡi dao lam cắt hình ảnh trên giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Lê Thị Thùy D để thay bằng hình ảnh của mình rồi mang đi ép nhựa; đồng thời đóng giả là Lê Thị Thùy D sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe giả để mua điện thoại trả góp, thực hiện hợp đồng vay vốn tiêu dùng trả góp với Công ty H rồi chiếm đoạt số tiền 7.933.574 đồng.

Tại Kết luận giám định số 44/KLGD-PC09 ngày 19/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Chữ ký, chữ viết họ và tên Lê Thị Thùy D trên toàn bộ hợp đồng số 3803478642 ngày 17/8/2018 là do Nguyễn Thị T ký và viết ra.

Cáo trạng số 124/CT-VKSNK ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự anh Lê Phước T3 - đại diện Công ty H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.933.574 đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 7.933.574 đồng cho Công ty H trong giai đoạn chờ thi hành án và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại chị Lê Thị Thùy D: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật, có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đại diện Công ty H vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến cầu bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường số tiền 7.933.574 đồng đã chiếm đoạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trình bày:

- + Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện Công ty H vắng mặt. Tuy nhiên, ý kiến trình bày, lời khai cũng như yêu cầu bồi thường đã được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ. Do vậy, việc vắng mặt đại diện Công ty H tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung đối với hai tội danh, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: đại diện Công ty H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.933.574 đồng. Bị cáo T cũng thống nhất bồi thường số tiền này. Do đó, đề nghị Tòa án ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về tội danh của bị cáo: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi thay đổi hình ảnh trên giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Lê Thị Thùy D và sử dụng các giấy tờ này với mục đích gian dối để chiếm đoạt số tiền 7.933.574 đồng của Công ty H do bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của về tài sản của công dân và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Hành vi trên đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thị T là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực phát luật nhưng xuất phát từ sự tham lam lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên mặc dù biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo, cho thấy sự xem thường và bất chấp pháp luật, nên cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cần cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian hợp lý để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị T bằng hành vi gian dối đã lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 7.933.574 đồng của Công ty tài chính TNHH MTV H Việt Nam. Đến nay, bị cáo vẫn chưa hoàn trả số tiền này. Công ty H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền trên; đây là sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 340; Điều 55, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 tháng tù về tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh trên thì bị cáo phải chịu: 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị T về việc đồng ý bồi thường cho Công ty H số tiền 7.933.574 đồng đã chiếm đoạt.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 396.678 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- VKSND Q. NK;
- TAND TP. CT;
- Chi cục THADS Q. NK;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THỊ BÉ HIỀN